MATCH (Nối)

Đây là xe đạp của tôi.	What's your name?
Đây là gấu bông của bạn.	How old are you ?
Đây là gấu bông của bạn phải không?	Open your book.
Bạn bao nhiêu tuổi ?	This is your teddy bear.
Bạn khỏe không?	Is this your teddy bear ?
Bạn tên là gì?	How are you ?
Đây là cái gì ?	No, it isn't
Mở sách ra	Close your book
Đóng sách lại	This is my bike.
Không, không phải	What's this ?

ORDER THE WORDS (SẮP XẾP)

1. my / car / is / this / .
2. your / is / train / this / ?
3. red / my / is / this /teddy bear / .
4. it / Yes, / is / .
5. ball / your / this / is / .

LIVEWORKSHEETS